

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN Đ**  
**TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đ, ngày 23 tháng 12 năm 2020*

Số: 273/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 416/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Xóm 12, xã Hà T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Ngô Thị U, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Xóm 12, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Xóm Đạt, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hải N và chị Ngô Thị U.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hải N và chị Ngô Thị U nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thống nhất giao con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 23/6/2016 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh N tự nguyện chịu 150.000<sup>d</sup> án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000<sup>d</sup> án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0013660 ngày 07/12/2020 tại Chi cục THADS huyện Đ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Hà Thượng, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**LƯƠNG ĐỨC LONG**

